

**BẢNG ĐIỂM KỶ THI**  
**CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO**

Ngày Thi: 24/5/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC7719	Lâm Thúy	An	11/10/2004	Vĩnh Long	10.0	8.0	6.5	7.0	7.17	Đạt	
2	BKNC7720	Nguyễn Quỳnh	Anh	02/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	8.0	8.0	5.5	7.17	Đạt	
3	BKNC7721	Phan Tấn	Cảnh	20/01/2005	Quảng Ngãi	10.0	8.0	9.0	10.0	9.0	Đạt	
4	BKNC7722	Tổng Khánh	Chi	18/05/2002	Quảng Ngãi	8.0	8.0	9.0	8.5	8.5	Đạt	
5	BKNC7723	Lê Thị Ngọc	Diễm	16/03/2005	Đồng Tháp	6.33	9.0	7.0	5.0	7.0	Đạt	
6	BKNC7724	Trịnh Thùy	Dung	19/09/2001	Nam Định	6.67	7.0	0.0	0.0	2.33	Không đạt	Không word
7	BKNC7725	Phạm Huỳnh Mỹ	Duyên	29/07/2001	Khánh Hòa	7.33	7.0	7.0	6.5	6.83	Đạt	
8	BKNC7726	Tô Thị Mỹ	Duyên	04/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.0	8.5	5.0	6.83	Đạt	
9	BKNC7727	Trần Thị Thanh	Duyên	12/01/2006	Lâm Đồng	9.33	9.5	9.0	9.5	9.33	Đạt	
10	BKNC7728	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	22/09/2006	Thanh Hóa	7.67	7.0	5.5	6.0	6.17	Đạt	
11	BKNC7729	Đỗ Thanh Thu	Hằng	22/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	7.0	8.0	3.0	6.0	Không đạt	
12	BKNC7730	Nguyễn Thiện	Hoài	20/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.0	8.0	2.0	5.67	Không đạt	
13	BKNC7731	Trần Thị Thanh	Hương	31/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	6.0	7.0	5.0	6.0	Đạt	
14	BKNC7732	Lê Diệu	Linh	29/12/2004	Ninh Bình	7.67	4.0	6.0	5.0	5.0	Không đạt	
15	BKNC7733	Trương Quế	Linh	09/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	3.0	4.0	4.0	3.67	Không đạt	
16	BKNC7734	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	29/01/2006	Gia Lai	10.0	7.0	9.0	5.0	7.0	Đạt	
17	BKNC7735	Nguyễn Thị Trà	My	21/02/2004	Gia Lai	7.0	7.0	7.0	6.0	6.67	Đạt	
18	BKNC7736	Nguyễn Thanh	Ngân	09/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	7.0	8.0	6.0	7.0	Đạt	
19	BKNC7737	Phan Thị Tuyết	Ngân	10/01/2004	Tây Ninh	9.67	9.0	9.0	9.0	9.0	Đạt	
20	BKNC7738	Trần Như	Ngọc	28/11/2004	Tây Ninh	8.33	9.0	9.5	9.0	9.17	Đạt	
21	BKNC7739	Phạm Huỳnh Yến	Nhi	31/07/2004	Đắk Lắk							Vắng
22	BKNC7740	Phạm Thị Ngọc	Nhiên	18/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.5	9.0	9.0	9.17	Đạt	
23	BKNC7741	Thái Hoàng	Phương	01/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	8.0	9.0	9.0	8.67	Đạt	
24	BKNC7742	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.0	8.5	9.0	8.5	Đạt	
25	BKNC7743	Đào Quang	Quý	17/05/2004	Tây Ninh	7.67	7.5	8.0	6.0	7.17	Đạt	
26	BKNC7744	Lê Nguyễn Mỹ	Tâm	09/12/2005	Tây Ninh	8.67	7.5	8.0	8.5	8.0	Đạt	
27	BKNC7745	Lê Thanh	Thảo	12/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.0	8.5	7.0	7.83	Đạt	
28	BKNC7746	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	22/09/2004	Đồng Nai	6.33	8.0	8.5	8.0	8.17	Đạt	
29	BKNC7747	Nguyễn Phạm Trâm	Thư	06/01/2006	Đồng Nai	10.0	8.0	9.0	10.0	9.0	Đạt	
30	BKNC7748	Ngô Võ Thanh	Tiền	24/03/2004	Đồng Tháp	8.67	8.0	9.5	9.5	9.0	Đạt	
31	BKNC7749	Đồng Ngọc Bảo	Trân	13/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh							Vắng
32	BKNC7750	Nghiêm Thị Thủy	Trang	19/03/2003	Đồng Nai	8.67	8.0	8.0	1.0	5.67	Không đạt	
33	BKNC7751	Phạm Thị Thùy	Trang	21/08/2006	Tây Ninh	9.33	8.0	8.5	9.5	8.67	Đạt	
34	BKNC7752	Trương Thanh	Trúc	30/03/2006	Đồng Tháp	10.0	7.0	9.0	5.0	7.0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
35	BKNC7753	Lê Thị Cẩm	Tú	13/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	9.0	6.0	8.0	Đạt	
36	BKNC7754	Nguyễn Quỳnh	Tuyên	15/10/2006	Đắk Lắk	9.33	8.0	9.0	2.0	6.33	Không đạt	
37	BKNC7755	Nguyễn Mai Thy	Uyên	05/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.5	0.0	6.0	4.5	Không đạt	Không word
38	BKNC7756	Doãn Ngọc Trà	Vân	05/12/2006	Đà Nẵng	9.33	9.5	6.0	9.0	8.17	Đạt	
39	BKNC7757	Nguyễn Khánh	Vy	24/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	7.0	8.0	8.0	7.67	Đạt	
40	BKNC7758	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	05/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	7.0	6.0	7.0	6.67	Đạt	
41	BKNC7759	Nguyễn Thị Như	Ý	01/01/2001	Tây Ninh	6.33	8.0	9.0	5.5	7.5	Đạt	
42	BKNC7760	Nguyễn Thị Thu	Yến	10/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.0	8.0	5.0	7.0	Đạt	

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)  $\geq 5$  và Điểm thực hành 3 mô đun  $\geq 5$

Số lượng thí sinh: 42

Số thí sinh đạt: 32

Số lượng hiện diện: 40

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam